

CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ LƯU TRỮ Ở VIỆT NAM : BẢN SAO THU NHỎ ĐÔNG NAM Á DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH BẢO TỒN TRONG TƯƠNG LAI

JUDITH HENCHY*

Phần giới thiệu

Ngành thư viện và lưu trữ đã trải qua những thay đổi lớn lao kể từ khi thực hiện đổi mới từ năm 1986, nhưng trên nhiều lĩnh vực, những vấn đề cơ bản vẫn tồn tại. Một tranh biếm họa đăng trên tạp chí Lưu trữ Quốc gia năm 1992 mô tả một văn phòng của ông giám đốc cơ quan lưu trữ được trang bị các máy fax và máy vi tính trong khi nhà kho lưu trữ bên cạnh lại đầy những chuột đang tha sách và các văn bản. Đây là một hình ảnh thương tâm vào thời điểm mà người ta còn nhìn thấy gà trong phòng đọc của Tòa nhà Sở Lưu trữ Quốc gia II ở thành phố Hồ Chí Minh (Sài Gòn trước đây) và chỉ có phòng vi tính được bảo quản bằng máy điều hòa.

Ngày nay, Thư viện Quốc gia đang tiến lên với một mục lục tự động và các hệ thống mạng khu vực nội hạt vùng nối với các thư viện của các tỉnh, trong khi các trình độ đào tạo cơ bản, các điều kiện vật chất về thu thập tài liệu và uy tín của nghề thư viện nói chung chỉ thay đổi rất ít. Sở Lưu trữ Quốc gia, mà trong vòng ba năm qua đã di chuyển một số tài liệu thu thập đến các cơ sở mới, đang

* Trưởng ban Đông Nam Á, Thư viện Trường Đại học Washington, Chủ tịch Dự án Bản sao thu nhỏ Đông Nam Á. Trung tâm các Thư viện Nghiên cứu. Mỹ.

thử nghiệm dùng ca-mê-ra số và công nghệ CD ROM để bảo quản và cung cấp sự truy cập bằng mạng cho các tài liệu thu thập quan trọng hơn. Đồng thời, một khối lượng lớn các tài liệu ở cấp độ quốc gia và cấp độ tỉnh vẫn ở trong tình trạng dưới mức chuẩn trong khi ngành lưu trữ cố gắng tập trung vào các vấn đề thời hạn lưu giữ tài liệu và các ưu tiên bảo tồn.

Vì vậy ngành thư viện và lưu trữ vẫn ở giữa áp lực hiện đại hóa và sức nặng truyền thống cùng với sức ỳ chính trị và luôn luôn bị kẹt giữa những hệ thống kiến thức mâu thuẫn nhau. Những hệ thống này được áp dụng từ Đạo Khổng mới của Trung Hoa và những yêu cầu thờ cúng tổ tiên bằng các hình thức bản xứ nhấn mạnh tính ưu thế của quá khứ trong việc xác định khuôn phép và sự phồn vinh của hiện tại. Điều nghịch lý là tầm quan trọng này được đặt vào các đồ tạo tác, trong khi việc bảo tồn chúng lại được bảo đảm bằng một chế độ chính trị, điều này lại làm cho chúng càng dễ bị phá hủy bằng một chế độ đối địch khác. Mối quan hệ phụ thuộc của Việt Nam vào Trung Quốc gần nghìn năm và sau này là một thuộc địa của Pháp đã dẫn đến những thời kỳ chiến tranh liên miên và sự mất ổn định chính trị kéo dài. Những yếu tố này, cùng với điều kiện khí hậu khắc nghiệt, góp phần vào việc phá hủy nhiều di sản văn học và lịch sử đầu tiên của Việt Nam.

Ngày nay, việc xuất bản nhiều sách báo bằng tiếng Anh đã làm sống lại mối quan tâm của thế giới đối với Việt Nam. Cùng với mối quan tâm này là sự cấp bách phải xem xét lại các nhân tố ảnh hưởng đến sự bảo tồn lâu dài các tài liệu mà sẽ phục vụ cộng đồng các học giả trong nước và quốc tế, giới kinh doanh và cư dân Việt Nam ở hải ngoại ngày càng muốn tìm hiểu về di sản của mình. Ở các trường đại học Mỹ, sự quan tâm về Việt Nam học đã xuất hiện trở lại. Vượt ra khỏi sự xem xét đơn thuần trong khung cảnh một vùng hay khung cảnh chiến tranh lạnh, người ta càng ngày càng nghiên cứu Việt Nam với tính cách là một nước có chủ quyền. Các học giả Việt Nam đang bắt đầu cộng tác với các nhà nghiên cứu hải ngoại để xếp đặt lại các di tích văn học và lịch sử bị đứt đoạn.

Bài tham luận này dựa trên nhiều chuyến đến thăm các thư viện và các cơ quan lưu trữ Việt Nam từ 1987 đến 1997, sẽ xem xét các vấn đề bảo tồn và truy cập thư mục (cung cấp các văn thư về mục lục) vốn là đặc điểm của một tỷ lệ phần trăm lớn các tập sao lục các nguồn văn bản tiếng Việt ở Việt Nam và ở các viện nghiên cứu và các thư viện trên thế giới. Đây cũng là một sự hưởng ứng đối với một số vấn đề truy cập thư mục và bảo tồn mà Quỹ Henry Luce và Viện Havard Yenching đã tài trợ cho sáng kiến bảo tồn bằng micro phim do Dự án Bản sao Thu nhỏ Đông Nam Á (Southeast Asia Microforms Project, SEAM) của Trung tâm các Thư viện Nghiên cứu đề nghị tháng Giêng năm 1994. Tham luận này sẽ đề cập đến các hoạt động của Dự án Bản sao Thu nhỏ Đông Nam Á, thực trạng thu thập tài liệu Việt Nam và sự hợp tác quốc tế về bảo tồn và truy nhập.

Lịch sử việc thu thập tài liệu

Bài trình bày này sẽ bàn về các vấn đề bảo tồn một số văn bản in và văn bản lưu trữ quan trọng nhất do Nhà nước quản lý hiện đang để trong một số kho chính ở Sở Lưu trữ Quốc gia ở cả Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Thư viện Quốc gia Hà Nội, Thư viện Khoa học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh và ba viện nghiên cứu thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia - Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Sử học và Viện Thông tin Khoa học Xã hội - cả ba viện này đều ở Hà Nội. Đây là những cơ sở chứa các tài liệu thu thập hàng đầu về khoa học xã hội và nhân văn và những tài liệu lưu trữ mà các học giả nước ngoài có thể truy cập dễ dàng nhất và được họ quan tâm nhất. Các điểm trình bày khác trong bài này sẽ đề cập đến vấn đề không kém phần quan trọng là văn thư lưu trữ ảnh và phim.

Sự quản lý phân quyền trong thời kỳ thực dân

Khi chính quyền thực dân Pháp bắt đầu cai trị lãnh thổ Việt Nam từ những năm 1860, nó đã đưa vào các trường công giáo, thư viện, các tư tưởng phương Tây về học thuật và lưu giữ văn bản. Việc chia lãnh thổ ra thành các đơn vị hành chính đã mở đầu cho việc đặt ra các luật lệ khác nhau về xuất bản và bản quyền và cuối cùng dẫn đến việc thành lập hai thư viện tương đương. Chính quyền thực dân đã ban hành một loạt các nghị định mở đầu cho việc chính thức dùng chữ quốc ngữ và ra lệnh lưu trữ các tài liệu có giá trị lâu dài. Năm 1917, Sở Lưu trữ và Thư viện được thành lập để thực thi các nỗ lực phát triển thư viện và công tác lưu trữ. Dưới quyền điều khiển của Sở này, một văn phòng lưu trữ và một Thư viện Trung ương đã được thành lập ở Hà Nội.

Đầu thế kỷ XX cũng chứng kiến sự ra đời của chữ quốc ngữ với tư cách là một phương tiện biểu đạt phổ thông bằng tiếng bản xứ dưới ảnh hưởng của Pháp. Sự ra đời của chữ viết đã dẫn đến việc tăng nhanh sách báo xuất bản và đến năm 1922, nhiều pháp luật hữu hiệu được ban hành để bảo đảm các sách báo xuất bản bằng tiếng bản xứ nộp lưu chiểu ở cả Paris và Thư viện Trung ương ở Hà Nội.

Văn thư triều đình: Từ năm 1802, cố đô Huế là trung tâm cung cấp tư liệu của triều Nguyễn. Năm 1942, Paul Boudet, giám đốc đầu tiên của Sở Lưu trữ và Thư viện đã thử tiến hành kiểm kê các tài liệu thu thập và chuyển một số văn thư lưu trữ từ cung đình ra Viện Văn hóa ở Huế. Những tài liệu không được chuyển đi có thể đã bị phá hủy trong chiến tranh Việt Minh 1946-1954. Ước tính có khoảng ba phần tư văn thư triều đình đã bị phá hủy trong thời gian từ 1945 đến 1954. Thật may là nhà cầm quyền Pháp đã dùng một số bản gỗ để in thêm các tập tác phẩm từ thư viện triều đình. Một số bản in sau này, và một số bản in gỗ vẫn còn được lưu giữ tại Sở lưu trữ Quốc gia, Viện Hán Nôm và Thư viện của Trường Viễn đông Bác cổ Pháp ở Paris.

Như chúng ta biết, Sở Lưu trữ Quốc gia và các kho khác vẫn còn giữ nhiều bản thảo về quyền sở hữu đất và quyền sử dụng đất, kể cả các văn bản về hương ước và các văn bản về thuế đất cho thấy các ranh giới mà triều đình đã vạch ra. Quan lại triều đình đã lập các văn bản này thành ba bản, một bản do lý trưởng giữ. Do vậy, không có gì đáng ngạc nhiên khi người ta thấy bản sao các văn bản quan trọng này từ đầu thế kỷ XIX trong hồ sơ của làng và trong thư viện tỉnh. Một số thư viện Pháp đã thu thập các tài liệu này và một số ít đã được chụp ảnh. Vấn đề còn lại là phải xác định xem bao nhiêu phần trăm những tài liệu như vậy còn nằm ngoài tầm kiểm soát của các kho lưu trữ nhà nước.

Trường Viễn đông Bác cổ Pháp: Được thành lập năm 1898, mười chín năm trước khi thành lập thư viện chính thức và cơ quan lưu trữ. Trường Viễn đông Bác cổ Pháp trở thành trung tâm thông thái đầu tiên của Pháp về châu Á và hoạt động ở Việt Nam cho tới năm 1958. Thư viện của trường trở thành một kho tư liệu do kết quả của các cuộc thăm dò khảo cổ học, các công trình nghiên cứu và các sáng kiến thu thập tư liệu gồm rất nhiều loại khác nhau, bao gồm cả các tài liệu chữ khắc, tài liệu in và bản thảo từ Đông và Nam Á. Sự nghiên cứu và các kỹ thuật tư liệu của Trường Viễn đông Bác cổ Pháp đã để lại một di sản chuyên môn mà các viện thừa kế Việt Nam đã noi gương khi họ tiếp tục thu thập và cung cấp các tư liệu chữ khắc và các tài liệu văn bản.

Sau khi Trường Viễn đông Bác cổ Pháp đóng cửa năm 1958, việc thu thập tài liệu của trường thuộc trách nhiệm của thư viện trung ương của Ủy ban Khoa học Xã hội, nay là Viện Thông tin Khoa học Xã hội của Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia (TTKHXHNVQG). Một phần các tài liệu thu thập của Trường Viễn đông Bác cổ Pháp vẫn do thư viện TTKHXHNVQG giữ, trong khi số còn lại đã được chuyển đến Viện Sử học Hà Nội khi Viện này được thành lập năm 1956. Thư viện này hiện có một bộ sưu tập gồm 70.000 cuốn sách trong đó 4000 cuốn bằng tiếng Hán và tiếng Nôm. Nhiều sách Hán Nôm quan trọng của Viện Sử học đã được chuyển sang Viện Nghiên cứu Hán Nôm sau khi viện này thành lập năm 1979. Không rõ là những tiêu chuẩn nào đã được dùng chọn tài liệu để chuyển, nhưng việc tổ chức lại đó đã để lại một số tác phẩm giá trị bằng tiếng Hán cho Viện Sử học và một số ít hơn cho Viện Thông tin Khoa học Xã hội.

Sự chuyển chỗ tài liệu

Sự phân tán tự nhiên các tài liệu do kết quả của cơ chế phân quyền thu thập tài liệu bị các biến động chính trị làm trầm trọng thêm đã làm chuyển chỗ rất nhiều tập sưu tầm. Sự cai trị của Pháp đã bị lật đổ năm 1954 sau cuộc kháng chiến của Việt Minh. Hiệp định Genève tạm thời chia cắt đất nước. Các chế độ trên thực tế ở miền Bắc và miền Nam chú ý đến việc giải thích lịch sử đang gây tranh cãi và canh giữ những nguồn tư liệu lịch sử để làm bằng chứng cho các quyền đòi

của mình. Điều này dẫn đến phong trào thu thập tư liệu của thư viện quốc gia. Năm 1954, các tập sưu tầm của Thư viện Trung ương ở Hà Nội được chuyển vào Sài Gòn cùng với lực lượng Pháp đang rút đi sau khi Hiệp định Genève chia cắt đất nước. Năm 1975, các tập sưu tầm - lúc bấy giờ đã được nhập vào Thư viện Quốc gia của Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam - được chuyển ra Hà Nội. Phần lớn các tập sưu tầm sau đó lại được chuyển trở lại vào thành phố Hồ Chí Minh, nhưng một số tập vẫn bị tách rời, trong đó có nhiều tờ báo bị phân tán giữa hai địa điểm trên.

Sự tranh giành và phá hủy văn thư lưu trữ

Một bài báo của Cadière và Pelliot viết trên Tạp chí của Trường Viễn đông Bác cổ Pháp năm 1904¹ đã mô tả sự nghèo nàn của các nguồn tư liệu Việt Nam lúc bấy giờ. Sự thiếu nguồn tư liệu một phần là do kết quả của sự mất mát tàn phá do sự xâm lăng của Trung Hoa từ 1407-1427, trong thời gian này, hoàng đế Trung Hoa ra lệnh tất cả các sách gốc của Việt Nam phải được mang sang Nam Ninh. Ở đó, những sách này có thể bị cố tình phá hủy hay bị thất lạc. Sau đó vào năm 1718, triều đình Việt Nam ra lệnh tiêu hủy tất cả các sách dùng chữ Nôm. Sau đó vào cùng thế kỷ, phong trào khởi nghĩa Tây Sơn trên danh nghĩa đã dùng tiếng Việt làm ngôn ngữ triều đình và dùng chữ Nôm để viết các văn thư chính thức. Nhưng chế độ này chỉ cầm quyền trong cả nước có hai năm, và triều Nguyễn thắng lợi đã tiêu hủy ngay lập tức mọi bằng chứng tư liệu về thời kỳ này. Một ít tàng thư tìm thấy từ thời kỳ Tây Sơn đã được chuyển đến Cục Lưu trữ Quốc gia I ở Hà Nội. Sự thăm dò các vùng này ở miền Trung Việt Nam có thể cho thấy nhiều tài liệu nữa qua các thời gian.

Các nhân tố khác góp phần làm mất các tư liệu là sự căng thẳng giữa triều đại Khổng giáo mới đang trị vì và các Giáo hội Phật giáo từ thế kỷ XIV. Trong thời gian đạo Khổng lên ngôi, các hình thức biểu hiện dân gian của đạo Lão và đạo Phật - thường gắn liền với sự sùng bái thời kỳ hoàng kim và các cuộc phiến loạn - đã bị đàn áp. Điều này dẫn đến việc đền thờ đạo Phật và đình bị mất tư liệu. Cộng đồng những người theo đạo Phật vốn đã có ảnh hưởng về mặt lịch sử trong các phong trào xã hội và chính trị, đã rất tích cực trong phong trào chống Pháp suốt nửa đầu thế kỷ XX và trong những năm 1960 chống lại các luật đàn áp của chế độ công giáo miền Nam. Những văn bản được xuất bản trong cả hai thời kỳ này có thể tìm thấy trong các thư viện và các kho lưu trữ, nhưng cần phải nghiên cứu thêm để xác lập địa điểm của các nơi lưu trữ văn thư về tổ chức của đạo Phật và cả các nhóm tôn giáo hồ lớn hoạt động trong các thời kỳ cuối của chế độ thực dân và chế độ của Mỹ, như các đạo Cao Đài và Hòa Hảo và giáo hội công giáo.

Tàng thư về chiến tranh. Lịch sử Việt Nam về các cuộc xung đột trong nước có nghĩa là các sách báo "chính thức" thường do các nhóm cách mạng hay phiến

loạn xuất bản ở ngoài thẩm quyền tài phán của nhà cầm quyền. Thư viện Quốc gia có một bộ sưu tập giá trị các nguồn tư liệu bằng chữ quốc ngữ được in ở chiến khu Việt Minh từ 1946 đến 1954. Người ta đã lập xong thư mục các tư liệu nhưng chưa được công bố. Bộ Văn hóa chưa cho phép chụp ảnh các sưu tập theo Dự án Bản sao thu nhỏ Đông Nam Á. Các chiến khu Việt Minh ở các hang đồi núi phía Bắc Hà Nội không phải là những nơi lý tưởng để bảo tồn, cho nên điều may mắn là các nguồn tư liệu đó vẫn còn trong thư viện.

Các điều kiện trong cuộc chiến tranh có Mỹ dính líu ở Việt Nam không có lợi cho việc bảo tồn lưu trữ, nhưng binh lính Bắc Việt Nam và của Mặt trận Giải phóng Dân tộc nói là họ giữ được hồ sơ của đơn vị và di chuyển các hồ sơ đó từ đường hầm này sang đường hầm khác. Như chúng ta được biết từ những bộ sưu tập lớn của các tài liệu thu giữ được trên phim ở Cục Lưu trữ Quốc gia tại Washington, D.C., lực lượng Mỹ và đồng minh đã thu giữ được nhiều tài liệu kế hoạch chiến lược và ở cấp đơn vị trong các vụ tìm và diệt của các lực lượng này vào cuối những năm 1960 và đầu 1970. Các tài liệu này cho thấy việc lưu giữ hồ sơ và báo cáo đã được tiếp tục trong các điều kiện gian khổ nhất và sẽ là sự ghen tị của chế độ quan liêu thời bình. Binh lính cũng như thường dân phải mang theo lý lịch tức là giấy ủy nhiệm cách mạng của gia đình họ. Họ cũng giữ nhật ký, trong đó họ viết hồi ký và làm thơ. Bộ sưu tập này gồm khoảng 600.000 tài liệu được chụp nguyên xi vào phim ở Sở Lưu trữ Quốc gia Mỹ là một món quà cho các nhà sử học quân sự về cuộc chiến tranh Việt Nam. Một bản sao bộ sưu tập này đã được trao cho chính phủ Việt Nam như là một phần của sự trao đổi thông tin về binh sĩ bị mất tích của cả hai bên.

Châu bản: Không có cách nào minh họa sự chuyển chỗ các tài liệu tốt hơn là mô tả lịch sử của cái được tranh luận là nguồn lưu trữ hiện có quan trọng nhất: châu bản, hay các văn bản có dấu mực. Đó là một bộ sưu tập các tài liệu của triều đình được trình lên hoàng đế để phê chuẩn. Tên của loại tài liệu này bắt nguồn từ mực son mà hoàng đế dùng cho mục đích này. Các văn bản này bao gồm tất cả mọi thời kỳ trị vì của triều Nguyễn từ năm 1802 đến 1945. Chúng gồm thư từ, các kiến nghị từ các bộ khác nhau của triều đình, các báo cáo từ các tỉnh xa và cả các tài liệu liên quan đến việc hành nghề thuốc của các lương y trong triều.

Vào đầu những năm 1960, Cục Lưu trữ của chính phủ miền Nam chuyển các bộ sưu tập châu bản từ Huế ra Sài Gòn rồi lên Đà Lạt để bảo đảm an toàn. Ngay sau khi di chuyển, Hội Việt Mỹ đã chụp ảnh 64 cuộn phim thể hiện hai giai đoạn trị vì đầu tiên. Hội Việt Mỹ đã trình bản chụp các phim này lên Tổng thống Ken-nơ-di ngay trước khi Tổng thống qua đời và các bản chụp này vẫn được lưu giữ ở thư viện Ken-nơ-di ở Bốt-xton vốn là một bộ phận của Cục Lưu trữ và Văn thư Quốc gia của chính phủ Mỹ.

Năm 1960, trường Đại học Huế xuất bản một thư mục hai tập bằng chữ quốc ngữ của bộ sưu tập châu bản bao gồm một số thời kỳ trị vì, và thư viện trường giữ

được các chú thích viết tay trên các tập khác. Tuy nhiên, từ cuối cuộc chiến tranh cho đến thời kỳ đầu các năm 1980, các thủ thư của trường Đại học Huế tin rằng các châu bản gốc đã bị mất. Trong thực tế, các tập này đã được chuyển từ Đà Lạt xuống Sài Gòn sau chiến tranh, và được giữ lại ở đây trong cái trước kia được gọi là Cục Lưu trữ Quốc gia của Cộng hòa Việt Nam, nay là Cục Lưu trữ Quốc gia II. Năm 1991, các tập này được chuyển ra Hà Nội để làm công tác bảo quản và hiện giờ vẫn ở đó. Bộ sưu tập này gồm 603 quyển (hay đúng hơn là cuộn vì đây là khổ gốc của châu bản) được đóng thành các tập và có 100 bản không được đóng. Mỗi tập có khổ 2 và nhiều tập ở trong tình trạng xấu: da bọc bị rách nát do độ ẩm và mối mọt. Nhiều trang không tách ra được do độ ẩm làm dính vào nhau.

Câu chuyện về châu bản là điển hình cho sự phân cách trong bộ nhớ thư mục gây ra bởi chiến tranh và sự chia cắt chính trị. Nó cũng chứng minh vấn đề gây ra do việc sử dụng các hệ thống đa ngôn ngữ. Việc ghi chép mục lục trong bộ sưu tập ở Mỹ dùng các nhan đề tiếng Hán trong khi bộ sưu tập được biết đến bằng nhan đề chữ quốc ngữ, tức châu bản. Rất ít học giả đương đại về lịch sử Việt Nam ở Mỹ biết một số tập trong bộ sưu tập tồn tại trên phim, các bản dương được làm từ những năm 1960 đã được đưa ra phục vụ trong bốn bộ sưu tập nghiên cứu về Đông Nam Á lớn ở Hoa Kỳ từ đó, nhưng trong giới học giả vẫn chỉ có tin đồn về sự tồn tại của các tập đó.

Sự kiểm kê

Công tác kiểm kê yếu kém vốn là đặc điểm của việc truy cập các nguồn tư liệu nói trên đã góp phần làm khó khăn cho việc lập kế hoạch bảo tồn. Các văn bản thư mục trực tuyến về các nguồn tư liệu bằng quốc ngữ xuất bản ở Việt Nam cũng như ở Pháp và các nước khác với các tập trong bộ sưu tập chắc chắn vẫn mang tính chất chắp vá với những vấn đề dai dẳng do việc thiếu một hệ thống mã chuẩn được chấp nhận về các dấu phụ kép của chữ viết đã được chuyển sang kiểu chữ La tinh. Chỉ những năm gần đây, việc xuất bản một số thư mục quan trọng mới soi sáng các tập bằng tiếng Hán và tiếng Nôm được giữ ở các kho chính ở Hà Nội. Các công trình thư mục thời thực dân được người Pháp thực hiện ở Việt Nam hiện nay có một giá trị đáng ngờ với tính cách là những chỉ dẫn cho việc ưu tiên bảo tồn, bởi vì người ta không biết rõ những tư liệu đó được giữ ở đâu. Ngay cả các thư mục như những thư mục được thư viện của Trường Viễn đông Bác cổ Pháp biên soạn cũng không có sẵn một cách rộng rãi ở trong hay ở ngoài Việt Nam, các tên sách được chụp phim dưới sự bảo trợ của Trường Viễn đông Bác cổ Pháp không xuất hiện dưới các hình thức thư mục tiêu chuẩn tiện lợi hay dưới bất kỳ danh sách tập micro phim nào mặc dù chúng được nhắc đến trong thư mục gần đây của Trường Viễn đông Bác cổ Pháp dưới các nhan đề Hán-Nôm.

Việc quản lý thư mục các tài liệu in bằng chữ quốc ngữ đầu tiên bắt đầu từ luật bản quyền tác giả năm 1922. Các tài liệu nộp lưu chiểu ở Paris theo luật này

làm thành Quỹ Đông Dương (*Fond Indochinois*) đã được Thư viện Quốc gia Pháp chụp micro phim. Các bản ghi chép đọc được trên máy cho bộ sưu tập này được thực hiện với sự trợ giúp của Ủy ban Bảo tồn và Truy nhập hiện được bao gồm trong Danh sách các tập Bản sao thu nhỏ châu Âu và có ở trong cơ sở dữ liệu U.S. RLIN (Research Libraries Information Network - Mạng Thông tin các Thư viện Nghiên cứu). Việc Thư viện Quốc gia Pháp xuất bản mục lục micro phim của các chuyên khảo nộp lưu chiểu và các tạp chí in trong thời gian từ 1922-1954 giúp chúng ta xác định những tài liệu nào được giữ duy nhất trong các kho lưu trữ ở Việt Nam². Năm 1995, Dự án Bản sao Thu nhỏ Đông Nam Á thỏa thuận với Thư viện Quốc gia Hà Nội chụp phim các nguồn tài liệu bằng chữ quốc ngữ đầu tiên không có trong các bản mục lục này.

Bất chấp sự đóng góp quý báu của sáng kiến lập thư mục này mà đã cho phép tiếp cận các tập lưu trữ của Pháp, các số báo quan trọng và các tạp chí xuất bản định kỳ cũng như các “báo phù du” được lưu giữ trong các bộ sưu tập lưu trữ của Pháp đã không có trong thư mục này. Điều này, theo Christiane Rageau, có nghĩa là chúng ta vẫn không có được một bức tranh hoàn chỉnh của một số nguồn xuất bản quan trọng nhất ngay cả ở trong các kho lưu trữ chính ở Pháp. Sự tiếp cận bằng thư mục đối với cùng các tài liệu xuất bản trong thời kỳ thực dân ở Việt Nam hiện đang bị hạn chế trong các mục lục thẻ gốc do các thủ thư Pháp biên soạn ở Thư viện Trung ương ở Hà Nội và thư viện của Trường Viễn đông Bác cổ Pháp, nhưng không có tài liệu hướng dẫn nào đối với các nguồn tư liệu chính thức đã xuất bản mà có thể hệ thống Lưu trữ Quốc gia ở Việt Nam hiện đang lưu giữ. Tất cả các mục lục thời thực dân chỉ còn là những sự hướng dẫn có tính chất lý thuyết đối với các tài liệu lưu trữ của Việt Nam về điểm này, vì việc so sánh các bản lưu mục lục với các tập hiện thời trong các bộ sưu tập của thư viện mới chỉ bắt đầu.

Một danh sách xuất bản hàng tháng các tài liệu được nộp lưu chiểu chính thức hiện có ở cả hai thư viện ở Hà Nội là một sự hướng dẫn có ích đối với các tài liệu đã xuất bản để so sánh với các tài liệu lưu trữ hiện có. Viện Thông tin Khoa học Xã hội (Thư viện của Trường Viễn đông Bác cổ trước đây) đang tiến hành công trình so sánh các danh sách nộp lưu chiểu chính thức với các tài liệu lưu trữ. Việc kiểm kê các tên sách sẽ là một sự đóng góp thông tin cho một khuôn khổ mà sẽ được dùng làm cơ sở cho một mục lục trực tuyến và một thư mục xuất bản. Nhưng điều không may là chưa có kế hoạch để bao gồm các tài liệu lưu trữ của Thư viện Quốc gia vào sáng kiến này.

Đồng thời ở Thư viện Quốc gia cũng đang tiến hành việc tạo ra một mục lục công khai trực tuyến bằng cách chuyển mục lục thẻ hiện có thành các bản lưu điện tử. Dựa trên 12.000 bản lưu đã được tạo ra như một phần của Mục lục Hợp nhất Việt Nam - Mục lục này sẽ được mô tả dưới đây - Thư viện Quốc gia đã tạo ra được gần 45.000 bản ghi chép cho các tài liệu lưu trữ của mình từ thời kỳ sau

1975. Công trình chuyển đổi trở về trước này sẽ tiến hành ngược trở lại thời kỳ chiến tranh và sau đó là thời kỳ thực dân.

Với sự phấn khích được tạo ra bởi sự truy nhập sắp tới trong các dịch vụ hoàn toàn của Internet, Thư viện Quốc gia và Thư viện Khoa học Tổng hợp đang chuẩn bị để đưa sự truy nhập mạng vào các mục lục trực tuyến của họ và đã bắt đầu hai hệ thống mạng khu vực cục bộ phục vụ các thư viện tỉnh ở miền Bắc và miền Nam. Việc truy nhập trên Internet vào các mục lục của vùng có thể cho chúng ta biết nhiều về các tài liệu lưu trữ ở xa, nhưng việc truy nhập phụ thuộc vào công việc của những người lập mục lục lành nghề trong các thư viện ở xa này. Trong khi một số thủ thư được đào tạo ở Mỹ đã bắt đầu dạy kỹ năng lập mục lục trong các địa điểm ở xa hơn này, việc thiếu sự đào tạo là một cản trở lớn cho việc lập mục lục các tài liệu lưu trữ của thư viện mà việc này sẽ làm dễ dàng cho việc lập kế hoạch bảo tồn.

Các tài liệu xuất bản bằng tiếng Hán - Nôm cũng đặt ra các vấn đề khác về kiểm kê. Việt Nam bị xóa khỏi thế giới thư mục mà hiện đang được thể hiện trong môi trường điện tử qua việc sử dụng phần mềm thư viện của Trung Quốc/Nhật Bản/Hàn Quốc. Trong khi có vẻ là có cơ hội để kết hợp các tài liệu lưu trữ bằng tiếng Hán vào các hệ thống hữu dụng thư mục chứa các tài liệu bằng tiếng Trung Quốc, người ta vẫn chưa có cố gắng nào để thực hiện việc này. Như đã được chứng minh trong trường hợp đối với châu bản, các vấn đề ngôn ngữ gây ra bởi việc trình bày bằng chữ quốc ngữ các tác phẩm được viết bằng chữ Hán có nghĩa là cộng đồng nghiên cứu nói tiếng Trung Quốc bị mất đi nhiều tên sách giá trị. Các thư viện Việt Nam chứa đựng một kho tài liệu phong phú từ đầu thế kỷ XIX viết bằng tiếng Trung Quốc và có liên quan đến Trung Quốc. Hơn nữa, văn phòng Trường Viễn đông Bác cổ ở Hà Nội là cơ sở nghiên cứu trung tâm cho toàn Đông Á. Sự lưu trữ các tác phẩm giá trị xuất bản ở Trung Quốc trong cuối thời kỳ thực dân rất lớn và rất có thể bao gồm nhiều tên sách mà sau này các thư viện Trung Quốc đã bị mất sau khi có sự thanh trừng ở nước này.

Những học giả góp phần vào việc thành lập lại văn phòng của Trường Viễn đông Bác cổ Pháp ở Hà Nội đã có những đóng góp quý báu vào việc cho chúng tôi biết các tài liệu lưu trữ Hán - Nôm qua các sách báo xuất bản gần đây của họ, kể cả các thư mục giá trị³. Tuy nhiên, những công cụ này không có tính chất toàn diện và không giúp vào các nguồn thư mục trực tuyến quốc tế chủ yếu. Trong những năm gần đây, các nhân viên Trường Viễn đông Bác cổ Pháp ngày càng quan tâm đến việc phát huy sự thông thái của họ trên thế giới. Cơ sở này có thể giữ một vai trò quan trọng trong việc giúp vào sự hợp tác giữa những người làm công tác thư viện và các học giả, sự hợp tác này có thể dẫn đến các sản phẩm thư mục có ích hơn.

Dự án Mục lục Hợp nhất Việt Nam: Ý tưởng thành lập Mục lục Hợp nhất Việt Nam được hình thành để phản ứng lại việc chuyển chỗ các tài liệu xuất bản

mô tả trong tham luận này. Tôi đề cập đến Mục lục này như một tấm gương về việc sử dụng sáng tạo công nghệ thư viện để cung cấp sự truy nhập quốc tế đối với các tập văn bị phân tán. Mục tiêu của nó là tạo ra các danh sách quốc tế các tên sách bằng chữ quốc ngữ của Việt Nam được lưu giữ tại các thư viện chính của Việt Nam, Pháp, Australia và Hoa Kỳ. Với sự tài trợ của chính phủ Australia và Quỹ Henry Luce, dự án này đã đào tạo hai thủ thư người Việt Nam tại Thư viện Quốc gia Hà Nội để nhập các bản ghi chép cho Thư mục Quốc gia của Việt Nam sử dụng các hình thức chuẩn của thư viện để lập các đĩa mục lục điện tử và dùng các máy tính do Australia tặng. Mục lục Hợp nhất Việt Nam hiện đang lập một danh sách micro phim do Mạng Thư mục Australia tạo ra được sử dụng làm cơ sở dữ liệu chủ cho dự án. Nỗ lực kết hợp các tài liệu lưu trữ của Australia và Việt Nam với các cơ sở dữ liệu chính của thư viện Mỹ - RLIN hoặc OCLC - được thực hiện chậm, nhưng dự kiến là các bản ghi chép Mục lục Hợp nhất Việt Nam sẽ sớm được nạp vào OCLC như một phần của bộ ghi chép ABN⁴.

Dự án chụp Bản sao thu nhỏ Đông Nam Á là một dịp để chứng tỏ mối liên hệ giữa việc kiểm soát hay kiểm kê thư mục với công tác bảo tồn bằng cách dùng cơ sở dữ liệu Mục lục Hợp nhất Việt Nam như một phương tiện phân phối quốc tế các bản ghi chép âm gốc bảo tồn. Những người lập mục lục được đào tạo theo dự án Mục lục Hợp nhất Việt Nam sẽ tạo ra các bản ghi chép thư mục để rồi được nạp vào cơ sở dữ liệu OCLC. Với các thiết bị và chuyên môn mà dự án chụp phim này hiện đã xác lập ở Thư viện Quốc gia, có thể nhân bản các phim đã được tạo ra và chụp bất kỳ tên danh sách nào theo yêu cầu của các học giả từ các tài liệu lưu trữ của Mục lục Hợp nhất Việt Nam.

Cũng có sự quan tâm đến việc mở rộng dự án Mục lục Hợp nhất Việt Nam để bao gồm các bản ghi chép bằng tiếng Nôm. Những năm gần đây đã có nhiều tiến bộ trong việc tạo ra các bộ chuẩn mã quốc tế cho cả chữ quốc ngữ lẫn chữ Nôm mà hiện nay đã có những bộ chuẩn mã thống nhất cho cả hai loại chữ này. Viện Nghiên cứu Hán - Nôm đã rất tích cực trong việc phát triển bộ chuẩn mã thống nhất cho chữ Nôm; những thủ thư của Viện rất hào hứng phát triển phần mềm để tạo thuận lợi cho việc gộp được các bản ghi chép bằng chữ Nôm vào Mục lục Hợp nhất Việt Nam, mặc dù việc này có vẻ còn xa so với khả năng kỹ thuật của các tiện ích thư mục tham gia vào.

Điều kiện vật chất của các Kho lưu trữ

Điều kiện vật chất ở các thư viện và các sở lưu trữ nói chung rất nghèo nàn, và vấn đề các bộ sưu tập bị xuống cấp thường bị làm trầm trọng thêm do hoạt động của các nhân viên không được đào tạo. Khí hậu ẩm tạo điều kiện thuận lợi cho côn trùng phá hoại và nấm mốc. Các giá của thư viện được làm bằng gỗ mềm rất thuận lợi cho côn trùng. Sách được xếp chặt trên giá đến nỗi bị biến dạng và

càng dễ bị hư hại do độ ẩm bởi vì không có sự lưu thông gió. Nhiều tài liệu giá trị bị xếp đống trên sàn vì không có đủ giá hay giá bị hỏng. Nhân viên không hiểu được tầm quan trọng của việc làm vệ sinh đơn giản; giá và sách không được lau bụi và tình trạng nấu thức ăn và ăn uống là phổ biến trong hầu hết các thư viện.

Các điều kiện trong Cục Lưu trữ Quốc gia nói chung tốt hơn trong các thư viện. Các tòa nhà thuộc địa nơi Sở Lưu trữ Quốc gia I ở Hà Nội đóng được thiết kế với luồng không khí lưu thông từ các cửa sổ ở hai phía nhà kho sách. Các ống dẫn khí đi từ sàn qua các kết cấu mái cào để ngỏ của các giá được làm bằng gỗ lim rất cứng và chống được mối mọt. Trong khi những ống dẫn này làm tăng luồng khí lưu thông thì chúng cũng có nguy cơ bị cháy và gây hỏa hoạn.

Chính phủ đang chậm chạp giải quyết nhu cầu nâng cấp các thiết bị. Sở Lưu trữ Quốc gia III ở Hà Nội được báo cáo sẽ là trung tâm bảo tồn và nhà kho để chứa khối lượng lưu trữ quá tải từ tòa nhà thuộc địa cũ. Cơ sở vật chất này có diện tích văn phòng mới và các phòng đọc, tuy nhiên vẫn còn phải xây dựng khu chứa sách mới. Thư viện Quốc gia có một kinh phí cơ bản để trang trải cho những sự tôn tạo nhỏ gồm một khu lưu trữ micro phim có điều hòa không khí và một phòng vi tính và nâng cấp một số diện tích văn phòng. Một tòa nhà bốn tầng để chứa giá sách, từ lâu đã được dự định xây dựng trên dinh cơ thuộc địa cũ và to ở trung tâm Hà Nội, sau cùng đã được khởi công vào cuối mùa hè năm 1997. Ngay cả trước khi hoàn thành, tòa nhà Sở Lưu trữ Quốc gia II ở thành phố Hồ Chí Minh có hàng đống các màn hình và bàn phím vô tuyến giữa các đống gạch vụn xây dựng. Một tòa nhà nhiều tầng oai vệ dùng làm kho chứa ngày nay đã mọc lên từ mặt đất cạnh sứ quán Mỹ cũ, nhưng phòng đọc, nơi chứa các chỉ dẫn giá trị và các phương tiện trợ giúp việc tìm và là kho tạm chứa các tài liệu mà các nhà nghiên cứu tra cứu, vẫn là một tòa nhà chỉ cách đó có năm phút đi bộ, không đủ chiếu sáng, ẩm ướt và bẩn.

Viện Thông tin Khoa học Xã hội gần đây đã tiến hành những tôn tạo lớn, các giá sách gỗ cũ được chuyển ra ngoài để lau rửa và phun thuốc chống mối mọt, sách được lau bụi và kiểm kê. Một hệ thống bình phun phòng hỏa của Hàn Quốc đã được lắp trong các khu vực để giá sách nhưng không rõ nhân viên có được đào tạo để sử dụng hệ thống này không, chẳng hạn như khi sử dụng nó thì hệ thống sẽ dùng hóa chất dập tắt nào, hóa chất có hại cho con người không và làm thế nào để xử lý sách bị hóa chất đó làm hư hại.

Những sự cấp bách đối với công tác bảo tồn

Trong một cuộc hội thảo đào tạo của Dự án Bản sao thu nhỏ Đông Nam Á, John Dean, giám đốc bảo tồn và bảo quản của Thư viện Trường đại học Coóc-nen (Cornell), đã thảo luận các ưu tiên bảo tồn và khả năng bảo tồn với các nhân viên

bảo tồn của các cơ sở thư viện lớn. Với kiến thức và thiết bị hạn chế, các nhân viên thư viện có những bước tiến rất chậm trong việc xử lý vấn đề bảo tồn đang tăng lên theo số mũ. Có rất ít thiết bị hay kỹ năng có sẵn để xử lý các vấn đề cấp bách nhất của bảo tồn là sự phá hoại của côn trùng và mốc. Các chất trừ côn trùng và trừ nấm mà các chuyên gia Liên Xô đưa vào Sở Lưu trữ Quốc gia trong các năm 1970 được báo cáo gây ra một tỷ lệ cao ung thư và các bệnh khác trong nhân viên. Biện pháp làm giảm nhẹ duy nhất hiện nay mà các nhân viên có thể thực hiện được là lau chùi, tăng cường thông khí, bảo vệ khỏi ánh nắng và các kỹ thuật làm hộp sách đơn giản mà John Dean đã hướng dẫn.

Nhân viên Sở Lưu trữ Quốc gia đã làm một công việc đáng khen là làm các hộp bìa cứng có chất lượng thích hợp với việc lưu trữ từ những tấm các tông bền và áp dụng kỹ thuật mà các nhà lưu trữ Pháp sử dụng trong những năm 1920 và 1930. Những hộp bìa cứng này chịu được khí hậu và sự phá hoại của côn trùng. Trừ những hộp bìa cứng đặt gần cửa sổ, phần lớn chịu được những hư hại nhẹ, và phần lớn các bản ghi chép của thời Pháp ở trong tình trạng tốt. Tuy nhiên, tất cả các hộp sách và kỹ thuật đóng sách bị ảnh hưởng do không có a-xít hay các sản phẩm không làm từ gỗ và không có vải chất lượng cao chống côn trùng và chống mốc. Côn trùng trong việc đóng sách là chất hữu cơ điển hình và thu hút côn trùng phá hoại. Việc đóng sách được sử dụng như một phương pháp bảo tồn được ưa thích ngay cả đối với tác phẩm khổ lớn và các sách mỏng mảnh dễ bị hư hại trong quá trình đóng phải chịu ứng suất do được để theo vị trí đứng.

Có vẻ như không có áp lực nào từ ngành xuất bản đối với việc sử dụng giấy có độ bền lâu để in sách. Việc cung cấp giấy cho tới tận gần đây bị thiếu đến nỗi giấy có chất lượng cao hay có thể bảo quản lâu dài không được coi là ưu tiên. Một số sách xuất bản chỉ mới vào những năm 1980 gần đây đã trở nên giòn. Vì chất lượng giấy tồi, những người làm công tác thư viện địa phương thường phải in chụp các tài liệu có giá trị thay vì để đọc giả cầm các bản gốc mỏng manh. Tuy nhiên, các thư viện ít khi có được các máy photocopy chất lượng cao, vì thế các bản in chụp thường không rõ và hình ảnh thường bị phai nhạt nhanh. Hơn nữa, những vết nhòe do dấu mực in đậm dùng trong các dấu phụ của tiếng Việt thường làm khó khăn cho việc in chụp và chụp ảnh đối với các tác phẩm được in trên giấy báo.

Ngay cả trong các điều kiện tối ưu nhất ở các thư viện Mỹ, sách báo Việt Nam xuất bản trong khoảng từ các năm 1970 đến giữa các năm 1980 cũng trở nên vàng do bị a-xít hóa và trở nên quá mỏng mảnh không đóng lại được. Việc quét để in lại trên máy vi tính có vẻ là một giải pháp hấp dẫn đối với những người làm công tác thư viện Việt Nam vì các đĩa CD ROM và các thiết bị vi tính thoạt nhìn có vẻ chịu đựng tốt hơn phim trong hơi nóng và độ ẩm. Xét các vấn đề gây ra bởi các vết nhòe và các tác động tai hại của khí hậu lên phim, người ta dễ nghĩ rằng sự

ghi hình bằng số và việc sử dụng các kỹ thuật nhập liệu để loại trừ “tiếng ồn” hậu trường có thể cung cấp một hệ thống bảo tồn hữu hiệu hơn.

Có một nhu cầu cấp bách đối với việc khảo sát các đặc điểm nghiên cứu và đặc điểm vật chất của các tài liệu hiện có để xác lập các ưu tiên bảo tồn và các biện pháp xử lý có lợi so với chi phí bỏ ra. Viện Nghiên cứu Hán Nôm ở Hà Nội đang xem xét việc thử nghiệm các công nghệ số, và một công trình quét để in lên vi tính các châu bản đang được thực hiện ở Sở Lưu trữ quốc gia I nơi hơn 100 tập trong số 600 tập của bộ sưu tập lưu trữ này đã được quét, với mỗi tập được để trên một đĩa CD ROM. Công trình này cung cấp sự truy nhập từ cơ bản cho một văn bản tương tự bằng chữ quốc ngữ và các hình ảnh màu cho phép phân biệt mực đỏ của các lời phê của hoàng đế. Điều không may là Sở Lưu trữ Quốc gia không đồng ý cho chụp phim các tập còn lại chưa được chụp từ các năm 1960.

Trong khi mọi người cảm thấy khích lệ nhận thấy rằng Chính phủ đang xét một cách nghiêm túc các vấn đề này - nguyên Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh gần đây đã đến thăm các cơ sở chụp micro phim ở Thư viện Quốc gia và đã góp phần vào việc đẩy mạnh và tài trợ cho công trình quét in châu bản lên vi tính - cũng có sự lo ngại rằng sự hiểu biết rất hạn chế về hàm ý của sự quản lý lâu dài việc sử dụng sự ghi hình bằng số như một phương tiện bảo tồn. Các hình ảnh lưu trữ trong các hình thức số cần phải thường xuyên được theo dõi và nạp lại đều đặn. Những người làm công tác lưu trữ chưa hiểu tuổi thọ của một đĩa CD ROM là bao lâu, nhưng chúng ta biết rằng băng từ rất mỏng manh và chỉ là phương tiện nhất thời.

Các hoạt động in chụp micro phim để bảo tồn

Trong những năm 1940 và 1950, thư viện Trường Viễn đông Bác cổ Pháp đã chụp vài ngàn tên sách, các bản in phim này hiện đang được giữ ở thư viện Trường Viễn đông Bác cổ ở Paris. Sau khi Trường Viễn đông Bác cổ ở Hà Nội đóng cửa năm 1958, Viện Thông tin Khoa học Xã hội đã dùng các thiết bị của Pháp để tiếp tục chụp micro phim cho tới năm 1972, lúc ấy hoặc là do Viện hết phim dự trữ hoặc do máy chụp bị hỏng. Danh sách viết tay các tài liệu lưu trữ bằng micro phim ở Viện cho thấy các tên sách chụp trong thời kỳ Pháp được lưu trữ ở Paris với một bản âm giữ ở Hà Nội. Thỉnh thoảng một bản dương được chuyển vào chi nhánh của Trường Viễn đông Bác cổ ở Sài Gòn. Danh sách cũng cho thấy các tài liệu do nhân viên Việt Nam chụp trong những năm đầu sau khi Pháp rút đi phù hợp với công trình của Pháp trước đó - chủ yếu là các tên sách chữ Hán giá trị. Trong khoảng thời gian từ 1958 đến 1971 Viện đã chụp được khoảng 2.000 tên sách chữ Hán giá trị.

Năm 1992, Thư viện Quốc hội phân tích một cuộn micro phim từ bộ sưu tập của Viện Thông tin Khoa học Xã hội. Sự phân tích cho thấy ít nhất một số trong

các phim này có độ phân giải và mật độ còn tốt để tạo ra các bản sao âm trên nền pô-li-ét-xte. Cần phải có một sự kiểm kê đầy đủ các phim có thể cứu vãn được và cần tái tạo lại các bản âm chủ đối với các tên sách này.

Viện Nghiên cứu Hán - Nôm báo cáo hiện đang giữ 14.000 cuốn sách Hán - Nôm và 12.529 bản giấy khắc từ đá và từ các bản khắc khác từ triều Lý (1010) đến triều Nguyễn. Dù cho giả định một cách lạc quan rằng một nửa số tài liệu Hán - Nôm được chụp ảnh và lưu trữ bởi Viện đáp ứng các tiêu chuẩn bảo tồn tài liệu lưu trữ và rằng thư viện Trường Viễn đông Bác cổ ở Paris có các bản âm chủ còn dùng được cho các tên sách chụp dưới sự bảo trợ của Trường, chúng ta có thể giả định rằng vẫn còn hơn 10.000 tên sách cần phải được bảo tồn và các tài liệu khác gồm cả bản sao các hương ước mà hiện nay đang ở trong tình trạng bảo quản rất kém.

Dự án Bản sao thu nhỏ Đông Nam Á: Mục tiêu hàng đầu của Dự án Bản sao thu nhỏ Đông Nam Á là thành lập các cơ sở chụp phim hiện đại ở Hà Nội có thể chụp được các tài liệu quan trọng nhất, chủ yếu là các tài liệu trong Thư viện Quốc gia, Cục Lưu trữ Quốc gia I, Viện nghiên cứu Hán - Nôm và Viện Thông tin Khoa học Xã hội (thư viện trước đây của Trường Viễn đông Bác cổ Pháp).

Từ khi được tài trợ vào tháng giêng năm 1994, dự án đã tiến triển từ từ tới một số mục tiêu của nó. Là một thành viên của dự án, John Dean đã tổ chức một loạt các cuộc hội thảo về bảo tồn ở Hà Nội và ở các thư viện khác tại Việt Nam vào tháng 2-1995. Đồng thời, Robert Mottice, giảng bài tại một hội thảo đào tạo về thuật chụp micrô phim ở Hà Nội, thành lập một phòng thí nghiệm được trang bị đầy đủ thiết bị micrô phim tại Thư viện Quốc gia Hà Nội và sửa chữa các thiết bị chụp phim hiện có ở Thư viện Khoa học Tổng hợp tại thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù dự án nhằm mục đích làm việc với một số tổ chức quan trọng, Dự án Bản sao thu nhỏ Đông Nam Á chỉ làm việc với Thư viện Quốc gia trong giai đoạn đầu. Với một chương trình chụp phim thành công hiện được thành lập tại Thư viện Quốc gia, hy vọng rằng các tổ chức khác sẽ thấy lợi ích của phim với tính chất là một phương tiện bảo tồn và sẽ hợp tác với dự án.

Hợp tác quốc tế

Việt Nam ngày càng trở nên tích cực trong các hoạt động nghề nghiệp ở khu vực và trên quốc tế, kể cả trong Ủy ban Lưu trữ Quốc tế và Chi nhánh Đông Nam Á của nó - SARBICA và trong Hội nghị Thư viện Đông Nam Á (CONSUL). Trong vòng mười năm qua, một số người làm công tác thư viện đã được đào tạo ở châu Âu, Australia và gần đây ở Hoa Kỳ.

Một chương trình do Viện Harvard Yenching tài trợ từ 1996-1997 đã giúp cho hơn 20 người làm công tác thư viện Việt Nam đạt được bằng Thạc sĩ Khoa học

thư viện tại trường Đại học Simmons ở Boston. Phần lớn những người làm công tác thư viện này đã nhận được ít nhất là những kiến thức sơ đẳng về bảo tồn và các vấn đề về quản lý bảo tồn. Sự đào tạo cơ bản truyền đạt theo chương trình này đã được mở rộng bằng chương trình bảo quản do John Dean ở Thư viện Trường Đại học Cornell thành lập gần đây và được Quĩ Luce tài trợ. Chương trình này được mở ra cho các kỹ thuật viên và các nhà quản lý bảo tồn từ Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam. Một người làm công tác thư viện ở Viện Nghiên cứu Hán - Nôm đã tham gia lớp đầu tiên và dự tính ít nhất hai người làm công tác thư viện nữa của Việt Nam sẽ được đào tạo trong thời gian hoạt động của chương trình này.

Chương trình đào tạo Simmons đã chứng tỏ có tác dụng rất lớn, trong đó có ba người tốt nghiệp là giám đốc các thư viện của các trường đại học lớn, một người là phó giám đốc một thư viện nghiên cứu lớn và một người giữ chức vụ cao ở Thư viện Quốc gia. Một vài người khác cung cấp các kiến thức chuyên môn làm mục lục hiện rất cần, và tất cả đã hợp cùng với nhau hình thành sự khởi đầu của một tập hợp những người chuyên môn được đào tạo. Mặc dù có đội ngũ này, một điều vẫn làm mọi người thất vọng là ngành này vẫn không thể nâng cao địa vị của mình ở Việt Nam. Cơ quan Hội đồng Anh ở Hà Nội và chương trình của Trường đại học Simmons đã nỗ lực ủng hộ việc đề cao ngành thư viện bằng việc thành lập một hội thư viện chuyên nghiệp. Không có sự thừa nhận này thật khó cho các giám đốc thư viện có được các cơ hội bình đẳng trong việc đào tạo và tài trợ.

Trong mười năm qua, Chính phủ và các cơ quan trợ giúp kỹ thuật Australia đã cung cấp sự giúp đỡ vật chất quý báu và đào tạo cho các thư viện và các cơ quan lưu trữ. Ngoài sự bảo trợ khóa đào tạo thư viện đầu tiên cho Mục lục Hợp nhất Việt Nam, Chính phủ Australia đã tích cực hoạt động trong toàn châu Á và trong Nhóm Quan tâm Đặc biệt Thái Bình Dương của Hiệp hội Thư viện Australia và qua Cơ quan Bảo tồn và Bảo quản của Hiệp hội Thư viện Quốc tế (IFLA). IFLA, được Thư viện Quốc gia của Australia giao trách nhiệm quản lý khu vực Thái Bình Dương, đặc biệt rất tích cực trong việc tổ chức các hội thảo về đào tạo bảo tồn. Về mặt khu vực, các thư viện Việt Nam được lợi từ các cơ hội đào tạo từ thư viện SPAFA (Các Bộ trưởng Giáo dục, Dự án về Khảo cổ học và Mỹ thuật của Đông Nam Á) ở Băng Cốc, Trường Đại học Chiang Mai, Viện Công nghệ châu Á ở Thái Lan và gần đây nhất, từ Viện Nghiên cứu châu Á ở Singapore.

Pháp, Nhật Bản và Hoa Kỳ đang cố gắng thiết lập lại sự liên hệ học thuật với Việt Nam và đã bắt đầu tài trợ các công trình bảo tồn văn hóa. Theo một hiệp định ký với Sở Lưu trữ Hải ngoại ở Aix-en-Provence, Chính phủ Pháp hy vọng sẽ giúp vào việc hỗ trợ sự bảo tồn các tài liệu từ thời thuộc địa và một vài nhà lưu trữ ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đã tận dụng các học bổng nghiên cứu để

có thời gian làm việc với các bộ sưu tập ở Sở Lưu trữ Hải ngoại ở Aix-en-Provence. Trường Viễn đông Bác cổ Pháp đã trở lại Hà Nội năm 1992 và đã trợ giúp các công trình nghiên cứu và xuất bản quan trọng như đã nói ở trên.

Chính phủ Nhật Bản và các quỹ Nhật Bản đã tài trợ để giúp vào việc phát triển các cơ sở lưu trữ và quan tâm đến việc giúp đỡ các vấn đề bảo tồn.

Kết luận và khuyến nghị

Việt Nam đang thiết lập quan hệ ngoại giao và kinh tế nhanh chóng trên khắp thế giới, đặc biệt với các nước láng giềng với tư cách là một thành viên mới của ASEAN. Những quan hệ này sẽ tạo ra cơ hội mới để hòa nhập vào các mạng lưới quốc tế của những người làm công tác thông tin chuyên nghiệp; các mối quan hệ này cũng dẫn đến trách nhiệm chấp nhận các chuẩn mực quốc tế như trong trường hợp Công ước Bản quyền Berne. Chúng ta hy vọng, với sự tiếp cận ngày càng tăng mà các học giả được phép theo các sự biến chuyển mở rộng tự do trong thập kỷ qua và cùng với số sinh viên Việt Nam được đào tạo tại nước ngoài ngày càng tăng, ý tưởng tương hỗ và trao đổi các tài sản trí tuệ sẽ trở thành một điều bình thường - chẳng hạn bằng cách dựa vào Mục lục Hợp nhất Việt Nam để tạo ra sự tiếp cận mở đối với các bản ghi chép thư mục và các danh sách lưu trữ.

Trong quá trình quản lý các chương trình giáo dục, các cơ quan tài trợ bảo trợ các chuyến viếng thăm nước ngoài cho các viên chức hoặc bảo trợ các chương trình cải tổ các hệ thống hành chính và giáo dục phải biết rõ địa vị hàng đầu của các thư viện trong bất kỳ quá trình xây dựng lại năng lực giáo dục nào. Các giám đốc thư viện và nhân viên phải thường xuyên tham gia các chương trình như vậy. Bằng cách này các tổ chức quốc tế và các cơ quan tài trợ tư nhân có thể làm nhiều để đề cao vị trí của những người làm công tác thư viện chuyên nghiệp trong cơ cấu hành chính ở Việt Nam bằng cách nhấn mạnh địa vị hàng đầu của vai trò này. Sự hỗ trợ của các cơ quan phải tập trung vào những khuyến nghị dưới đây:

Đào tạo: Các trình độ chuyên môn ở các chương trình đào tạo thư viện và lưu trữ ở Việt Nam thường thấp; những người có bằng cấp cao hơn thừa nhận họ không được trang bị tốt để giải quyết cách tiếp cận vấn đề truy nhập thông tin mà người đọc yêu cầu. Một vấn đề cơ bản khác là ít có sự quý trọng đối với những người làm công tác thư viện kể cả những người được đào tạo và không được đào tạo dẫn đến sự bất lực của họ tác động vào chính sách quốc gia.

Công việc đào tạo thư viện vẫn nằm ngoài tiêu chuẩn đối với các cơ quan tài trợ hiện đang hỗ trợ các chương trình giáo dục đại học cho các học giả Việt Nam. Các cơ quan tài trợ như Quỹ Ford, chương trình Fulbright phải nhận thức tầm quan trọng của các bộ sưu tập thư viện với tính chất là nền móng không chỉ đối với sự thông thái quốc tế về Việt Nam mà còn là cơ sở của một hệ thống giáo dục

được cải cách và hiện đại hóa. Ba năm thực nghiệm đào tạo những người làm công tác thư viện ở Trường Đại học Simmons do Harvard Yenching tài trợ chấm dứt vào năm 1996 phải được xem xét lại. Những người tốt nghiệp từ các chương trình này hiện đã hình thành một nhóm lãnh đạo mạnh trong các thư viện lớn của cả nước, nhưng nhóm này không có được quần chúng có đầu óc phê phán để tác động vào chính sách thông tin quốc gia. Việc đào tạo như vậy tốn kém, một phần là do học viên từ các thư viện thường thiếu trình độ kỹ năng tiếng Anh để thích ứng với khung cảnh học thuật và phải cung cấp thêm việc đào tạo ngoại ngữ như trong trường hợp chương trình Simmons.

Quy hoạch bảo tồn quốc gia: Việc quản lý thư mục vẫn còn rời rạc; chúng ta vẫn còn biết ít những nơi tài liệu lưu trữ giá trị được cất giữ hoặc điều kiện bảo tồn của chúng. Một số những người tốt nghiệp gần đây ở Simmons hiện đang chủ trương khảo sát nghiêm túc các bộ sưu tập để xác lập nhu cầu bảo tồn. Một khoản tài trợ nhỏ cho việc bảo tồn lần đầu tiên đã được cấp cho Thư viện Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, nhưng sáng kiến này được tài trợ thiếu. Cần phải thành lập một ban thường trực các học giả và những người làm công tác thư viện và công tác lưu trữ để hình thành một Ủy ban Bảo tồn Quốc gia. Ủy ban này sẽ chịu trách nhiệm khảo sát các kho lưu trữ chính và xác lập các ưu tiên bảo tồn. Như là một phần của sự nhấn mạnh của chính phủ vào việc hiện đại hóa song song với việc bảo tồn văn hóa truyền thống, việc bảo tồn di sản viết của đất nước phải được đề cao.

Định dạng lại tài liệu: Vì một số lý do, các bộ sưu tập thư viện và lưu trữ chọn lọc số hóa có thể có tác dụng đối với các tài liệu Việt Nam trong tình trạng xuống cấp. Sự ghi hình bằng số và sử dụng các kỹ thuật nhập liệu có thể loại trừ "tiếng ồn" hậu trường gây ra bởi các vết nhòe. Các đĩa điện tử cũng có thể bảo quản dễ dàng hơn phim với sự điều tiết khí hậu thích hợp, vì micro phim thường được coi là lỗi thời và không thích hợp với mục tiêu hiện đại hóa của Nhà nước. Tuy nhiên, rất ít người làm công tác quản trị trong thư viện hay trong chính phủ hiểu được các vấn đề liên quan đến việc gìn giữ lâu dài các đĩa điện tử và các thư viện thiếu một bộ máy công chức làm công tác bảo quản thường xuyên để quản lý việc cập nhật phần cứng và di chuyển dữ liệu.

Phải tiến hành nghiên cứu đặc điểm vật chất và giá trị nghiên cứu của các tài liệu hiện có để xác lập sự ưu tiên bảo tồn và việc xử lý hữu hiệu với chi phí thấp. Một nghiên cứu như vậy có thể thực hiện với sự giúp đỡ của các tổ chức như Ủy ban Bảo tồn và Truy nhập, Hiệp hội Thư viện Quốc Tế (IFLA) và Ủy ban Lưu trữ Quốc tế và Chi nhánh Đông Nam Á, SARBICA của nó đã tham gia vào các vấn đề lưu trữ của Việt Nam từ giữa năm 1980. Các quỹ quan tâm đến các vấn đề bảo tồn văn hóa ở Việt Nam cần suy tính đến việc tài trợ cho một nghiên cứu như vậy.

Quá trình mà John Dean và Dự án Bản sao thu nhỏ Đông Nam Á đã bắt đầu để thông báo cho các tổ chức về các công nghệ số như một phương tiện bảo tồn phải được hỗ trợ bằng sự đào tạo bổ sung và các cơ hội cho những người giữ vai trò quyết định cấp cao đến thăm hiện trường. Một loạt các khuyến khích tập trung vào vấn đề này đã được Dự án Bản sao thu nhỏ Đông Nam Á gửi đến Văn phòng Bộ trưởng và Bộ Văn hóa vào mùa hạ năm 1997. Các nước tài trợ chính làm việc trong lĩnh vực bảo tồn văn hóa phải đạt được những thỏa thuận về các phương pháp bảo tồn thích hợp cho các bộ sưu tập đang bị lâm nguy trong các nước phát triển để chính phủ các nước nhận tài trợ không nhận được những ý kiến mâu thuẫn nhau.

Các thiết bị chụp phim hoàn chỉnh phải được cung cấp cho tất cả các kho lưu trữ quan trọng đề cập đến trong báo cáo này và nhân viên phải được đào tạo về các tiêu chuẩn bảo tồn. Cần phải thảo ra một chính sách quốc gia về việc nộp lưu chiểu và quản lý thư mục các bản âm gốc bảo tồn và phải xây dựng một cơ sở lưu trữ quốc gia đối với các bản gốc phim này.

Cần phải thảo ra một hiệp định bản quyền về bảo tồn quốc tế chuẩn và được các tổ chức như UNESCO, Hiệp hội Thư viện Quốc tế, Ủy ban Lưu trữ Quốc tế và Ủy ban Bảo tồn và Truy nhập thông qua. Một hiệp định như vậy sẽ xác lập vai trò của việc định dạng lại trên đĩa như một công cụ bảo tồn và sẽ giúp rất nhiều trong việc đàm phán với các nước mà luật bản quyền chưa rõ ràng.

Bảo quản: Cuộc khủng hoảng tổng thể về bảo quản ở Việt Nam rõ ràng vượt lên trên phạm vi của bất cứ chương trình định dạng lại nào; các cơ sở lưu trữ địa phương chứa các văn thư của Đảng và Ủy ban Nhân dân, các bộ sưu tập cá nhân của các nhóm như nhà thờ và các tài liệu ghi chép của chính phủ làm thành một vấn đề hết sức lớn. Các tài liệu không có tính chất văn bản khác như các bản in phim, các bản âm phim và phim dùng để quay cũng được phân phối cho nhiều kho lưu trữ mà phần lớn những kho này chỉ có rất ít cơ sở vật chất để cất trữ hoàn hảo các tài liệu lưu trữ. Cách bảo quản hữu hiệu nhất là làm vệ sinh đơn giản và bảo quản cơ sở, việc này sẽ giảm thiểu bụi, côn trùng và hư hại do nước gây ra. Kỹ thuật làm hộp sách đơn giản và rẻ tiền do John Dean dạy phải được phổ biến rộng rãi.

Một cố gắng đáng khen của Chính phủ Việt Nam là đã cấp kinh phí để nâng cấp các cơ sở vật chất, nhưng cần phải nhấn mạnh vào những cách cải tiến chi phí thấp, hiệu quả cao như làm giá kim loại, sử dụng các máy điều hòa không khí có hiệu quả với dòng điện an toàn và ổn định (các tòa nhà văn phòng và các khách sạn thường có các máy phát điện đủ mạnh để chạy máy điều hòa không khí trong trường hợp mất điện). Cần phải trao đổi với các cơ quan Việt Nam hoạch định việc nâng cấp các cơ sở vật chất cũ, về việc tìm ra những điều kiện lưu trữ tối ưu, đặc biệt những điều kiện liên quan đến vấn đề lưu kho ở nhiệt độ cao và có độ ẩm. Việc này có thể thực hiện bằng cách tổ chức các cuộc hội thảo chuyên đề.

Kỹ thuật làm sách: Việc các cơ quan chính phủ và cơ quan xuất bản sử dụng giấy có độ bền lâu sẽ kéo dài rất nhiều tuổi thọ của các tài liệu in và sẽ làm chậm sự tăng nhanh các tài liệu đòi hỏi phải có biện pháp bảo tồn. Chính phủ phải khuyến khích ngành xuất bản bắt đầu dùng giấy có độ bền lâu. Những bìa sách có tính chất bảo vệ được làm từ những vật liệu không dễ bị côn trùng và mốc làm hư hại cũng góp phần làm nhẹ gánh nặng bảo tồn.

Những yêu cầu pháp lý: Một đạo luật năm 1982 về Bảo tồn và Văn bản Lưu trữ quy định rằng các cơ quan nhà nước phải bảo tồn các tài liệu mà họ quản lý cho tới khi chúng được trao cho cơ quan lưu trữ trung ương cất giữ. Tuy nhiên, đạo luật này được cho là chưa đầy đủ và đang được sửa đổi vì nó không xác lập các tiêu chuẩn cất giữ và thời hạn đối với các văn bản có giá trị lưu trữ lâu dài. Dù cho đạo luật cho phép sử dụng kinh phí để bảo quản thiết bị và phê chuẩn việc dùng kiến thức chuyên môn nước ngoài trong việc đào tạo, kết quả vẫn thật thất vọng theo một bản đánh giá mười năm thực hiện đạo luật - kết quả này được công bố trên tạp chí lưu trữ. Đối với các lĩnh vực luật pháp khác ở Việt Nam, các điều khoản vẫn chưa được thử nghiệm và còn lẫn lộn. Các cộng đồng thư viện và lưu trữ phải được quyền làm sáng tỏ những đạo luật như vậy vì nhu cầu bảo tồn lâu dài và sự tiếp cận đối với các văn bản tài liệu quốc gia.

CHÚ THÍCH

1. Cadière and Pelliot, *Première étude sur les sources Annamite de l'histoire d'Annam*, BEFEO, 1904, tr. 617-671.
2. *Catalogue du fonds indochinois: livres vietnamiens imprimés en quoc ngu, 1922-1954* (Mục lục quỹ Đông Dương: các sách Việt Nam in bằng chữ quốc ngữ, 1922-1954). Paris: Thư viện Quốc gia, 1991; và Poitelon, Jean-Claude, *Catalogue des périodiques vietnamiens de la Bibliothèque nationale* (Mục lục các tạp chí Việt Nam của Thư viện Quốc gia). Bản micro phim. Paris. Thư viện Quốc gia, 1993.
3. Một công trình kiểm kê ba tập các tài liệu Hán - Nôm ở Viện Hán - Nôm và các kho ở Hà Nội được xuất bản năm 1993: Di sản Hán - Nôm Việt Nam: Thư mục đề yếu. Đồng chủ biên, Trần Nghĩa, François Gros; Ban biên tập: Nhóm nghiên cứu Viện Hán - Nôm. Hà Nội, Khoa học xã hội, 1993.
4. Thư viện Quốc gia Australia đã đồng ý nạp các bản ghi chép này với sự cho phép của Thư viện Quốc gia Việt Nam.